

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày 11 - 4 - 2025.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh và bà Hoàng Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 04/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2024/TLST-DS, ngày 18/7/2024 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-DS, ngày 16/12/2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 01/2025/TB-TA, ngày 06/01/2025; Quyết định tạm ngưng phiên tòa số: 02/2025/QĐST-DS, ngày 16/01/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04A/2025/QĐST-DS, ngày 14/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-DS, ngày 14/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vũ Thị M, sinh năm 1960 – Có mặt.

Địa chỉ: Số C, đường Hoàng Quốc V, thị trấn Đắc M, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Bị đơn: Ông Y Ng (Tên gọi khác: Cha Đ), sinh năm 1974 và bà Bà H- P (tên gọi khác: Mẹ Đ), sinh năm 1973 – Có mặt khi xét xử vắng mặt khi tuyên án.

Cùng địa chỉ: Bon S, xã Thuận A, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Vũ Thị M trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Vào ngày 20/6/2021 bà Vũ Thị M có cho vợ chồng ông Y Ng và bà H- P vay số tiền là 234.020.000 đồng (Hai trăm ba mươi bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng), với lãi suất thỏa thuận là 20%/năm, mục đích vay là để trả lãi ở nơi khác, thời hạn trả nợ là tháng 12 năm 2021. Việc bà M cho vay có lập giấy vay và có chữ ký của ông Y Ng và bà H- P. Từ thời điểm vay cho tới khi khởi kiện, ông Y Ng và bà H- P chưa thanh toán gốc và lãi.

Rất nhiều lần bà Vũ Thị M tìm đến gia đình ông Y Ng và bà Bà H- P để đòi lại số tiền trên nhưng ông Y Ng và bà Bà H- P không chịu thanh toán khoản nợ trên. Do đó, bà Vũ Thị M làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết buộc ông Y Ng và bà H- P phải có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền 234.020.000 đồng còn nợ và lãi suất tính từ ngày 20/6/2021 đến ngày 04/4/2025 là 45 tháng 4 ngày = $234.020.000 \text{ đồng} \times 10\% / \text{tháng} \times 45 \text{ tháng} / 30 \text{ ngày} \times 4 = 87.406.000 \text{ đồng}$ (đã quy tròn).

- Theo văn bản trình bày ý kiến của bị đơn ông Y Ng và bà Bà H- P trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị M yêu cầu ông, bà phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 234.020.000 đồng còn nợ và lãi suất tính từ ngày 20/6/2021 đến ngày 04/4/2025 là 45 tháng 4 ngày = $234.020.000 \text{ đồng} \times 10\% / \text{tháng} \times 45 \text{ tháng} / 30 \text{ ngày} \times 4 = 87.406.000 \text{ đồng}$ (đã quy tròn) thì ông, bà không đồng ý. Lý do bởi ông, bà không vay mượn của bà Vũ Thị M số tiền trên. Ông Y Ng và bà Bà H- P khẳng định vợ chồng ông, bà chỉ vay của bà M số tiền 130.000.000 đồng từ ngày 19/11/2019 để trang trải các chi phí sinh hoạt trong cuộc sống. Tuy nhiên do bà M tính lãi suất cao dẫn đến vợ, chồng ông bà chỉ mới trả được gốc và một phần lãi, còn nợ lại bà M 46.000.000 đồng. Số tiền 234.020.000 đồng bà M khởi kiện được tính từ số tiền 46.000.000 đồng và cộng dồn lãi theo năm. Quá trình giải quyết vụ án, ông Y Ng và bà Bà H- P không giải trình được cách tính lãi từ số tiền còn nợ bà M là 46.000.000 đồng. Tại giấy vay tiền đề ngày 21/6/2020, ông Y Ng khẳng định chữ ký trên giấy vay là của ông vì bà M bắt ký vào giấy vay tiền, riêng bà Bà H- P không thừa nhận chữ ký trong giấy vay. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Y Ng và bà Bà H- P xuất trình cho HĐXX 01 USB cho rằng là giải trình về việc vay nợ và bà H- P không yêu cầu HĐXX giám định chữ ký trong giấy vay tiền mà bà M giao nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 72 BLTTDS. Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 234.020.000 đồng và mức lãi suất là 10%/năm kể từ ngày cho vay đến khi trả nợ xong. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBR-VQH14 ngày 30/12/2016 bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Y Ng (Tên gọi khác: Cha Đ) và bà Bà H- P (tên gọi khác: Mẹ Đ) có địa chỉ tại Bon S, xã Thuận A, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Vũ Thị M khởi kiện yêu cầu ông Y Ng và bà Bà H- P phải trả số tiền 234.020.000.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất tính từ ngày 20/6/2021 đến ngày 04/4/2025 là 45 tháng 4 ngày = $234.020.000 \text{ đồng} \times 10\% / \text{tháng} \times 45 \text{ tháng} / 30 \text{ ngày} \times 4 = 87.406.000 \text{ đồng}$ (đã quy tròn) tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự (BLTTDS).

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Theo nội dung 01 giấy vay bà M nộp cho Tòa án thì hạn trả nợ cuối năm 2021. Kể từ ngày ông Y Ng và bà Bà H- P vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến thời điểm bà M làm đơn khởi kiện ngày 10/6/2024 và nộp tại Tòa án ngày 10/7/2024 đối với ông Y Ng và bà Bà H- P có viết giấy vay tiền là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo Điều 184 BLTTDS; Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét nhận thấy:

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Vào ngày 20/6/2021 bà Vũ Thị M có cho vợ chồng ông Y Ng và bà Bà H- P vay số tiền là 234.020.000 đồng (*Hai trăm ba mươi bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*), với lãi suất thoả thuận là 20%/năm, mục đích vay là để ông Y Ng và bà Bà H- P có tiền đi trả nợ chỗ phải trả tiền lãi cao hơn. Từ thời điểm vay cho tới khi khởi kiện, ông Y Ng và bà Bà H- P chưa thanh toán gốc và lãi. Rất nhiều lần bà Vũ Thị M tìm đến gia đình ông Y Ng và bà Bà H- P để đòi lại số tiền trên nhưng ông Y Ng và bà Bà H- P không chịu thanh toán khoản nợ trên.

Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Buộc phía bị đơn ông Y Ng và bà Bà H- P phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay là 234.020.000 đồng (*Hai trăm ba mươi bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền gốc và lãi suất tính từ ngày 20/6/2021 đến ngày 04/4/2025 là 45 tháng 4 ngày = $234.020.000 \text{ đồng} \times 10\% / \text{tháng} \times 45 \text{ tháng} / 30 \text{ ngày} \times 4 = 87.406.000 \text{ đồng}$ (đã quy tròn) tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn ông Y Ng và bà Bà H- P không thừa nhận số tiền vay 234.020.000 đồng. Ông Y Ng và bà Bà H- P giải thích ngày 19/11/2019, ông Y Ng và bà Bà H- P nợ bà M số tiền là 130.000.000 đồng, lãi suất đến khi thanh toán là 70.000.000 đồng. Ông Y Ng và bà Bà H- P đã thanh toán hết nợ gốc và 24.000.000 đồng tiền lãi, còn 46.000.000 đồng tiền lãi chưa được thanh toán. Bà Vũ Thị M đã tính lãi đối với số tiền 46.000.000 đồng theo cách của bà M

nên mới phát sinh số tiền 234.020.000 đồng. Tuy nhiên ông Y Ng và bà Bà H- P không giải trình được cách thức tính đối với số tiền vay trên.

Đối với giấy vay tiền đề ngày 21/6/2020 mà bà Vũ Thị M cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bà H- P không thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền là của bà vì bà không biết chữ và không biết ký tên, ông Y Ng thừa nhận chữ ký trong giấy vay là của ông, do bà M làm giấy và yêu cầu ông ký. Tuy nhiên, ông Y Ng và bà Bà H- P nộp cho Tòa án chứng cứ là một giấy có nội dung giống với giấy vay bà M cung cấp cho Tòa án về nội dung vay của bà M số tiền 234.020.000 đồng do bà M ghi vào sổ của ông Y Ng và bà Bà H- P giữ. Quá trình làm việc tại Tòa án, phía nguyên đơn bà M thừa nhận chữ viết trong giấy vay do bà nộp cho Tòa án và giấy mà ông Y Ng và bà Bà H- P giao nộp cho Tòa án đều là chữ viết của bà viết ra. HĐXX xét hỏi bà Bà H- P có yêu cầu giám định chữ ký trong giấy vay do nguyên đơn bà M cung cấp không thì phía bị đơn không yêu cầu giám định chữ ký đối với chứng cứ là các giấy vay tiền bà M đã cung cấp cho Tòa án.

Tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

“2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”

Quá trình xét xử vụ án ông Y Ng và bà Bà H- P cung cấp cho HĐXX 01 USB có nội dung ghi âm lại cuộc nói chuyện giữa bà Bà H- P và bà Vũ Thị M. Quá trình làm việc và tại phiên tòa HĐXX mở nội dung USB có chứa nội dung ghi âm do bị đơn giao nộp để các bên cùng nghe, sau khi nghe nội dung trong USB mà ông Y Ng và bà Bà H- P giao nộp cho HĐXX, bà M thừa nhận giọng nói trong USB phát ra là lời nói của bà tuy nhiên, bà M cho rằng trong nội dung cuộc ghi âm không phải nói về nội dung số tiền 234.020.000 đồng bà đang kiện mà nói về việc có vay mượn trước đó được bà M khẳng định hai bên đã giải quyết xong những khoản nợ đó còn nội dung cuộc nói chuyện đó không liên quan đến việc bà M đang khởi kiện trong vụ án này.

Theo khoản 2 Điều 95 Bộ luật tố tụng Dân sự quy định *“ Tài liệu nghe được, nhìn được được coi là chứng cứ nếu được xuất trình kèm theo văn bản trình bày của người có tài liệu đó về xuất xứ của tài liệu nếu họ tự thu âm, thu hình hoặc văn bản có xác nhận của người đã cung cấp cho người xuất trình về xuất xứ của tài liệu đó hoặc văn bản về sự việc liên quan đến việc thu âm, thu hình đó”*. HĐXX đã xét hỏi đối với nguồn gốc về việc ngày tháng năm được thu âm đối với USB và văn bản trình bày đối với USB đó thì bị đơn ông Y Ng và bà Bà H- P không trả lời được cũng như không có văn bản kèm theo USB trình bày về nội dung của hai bên trao đổi. Như vậy, Y Ngeng và bà Bà H- P giao nộp cho Tòa án 01 USB thu âm mà không có văn bản

xuất xứ của 01 USB là trái quy định tại khoản 2 Điều 95 của Bộ luật tố tụng Dân sự nên HĐXX không chấp nhận đây là chứng cứ.

HĐXX có cơ sở việc bà M cho ông Y Ng và bà Bà H- P vay có lập giấy vay, viết tay. Mỗi bên giữ 01 bản. Đối với bản giấy vay tiền bà M được giữ có chữ ký ông Y Ng và bà H- P. Đối với bản giấy vay tiền ông Y Ng và bà H- P giữ có chữ ký của bà Vũ Thị M.

Do đó Tòa án công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Vũ Thị M và ông Y Ng và bà Bà H- P là có thật và hợp pháp.

Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

Điều 463. Hợp đồng vay tài sản:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; Khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

.....

Do ông Y Ng và bà Bà H- P vi phạm nghĩa vụ nên bà M khởi kiện yêu cầu ông Y Ng và bà Bà H- P trả số tiền gốc 234.020.000 đồng (*Hai trăm ba mươi bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[4.2] Về yêu cầu tính lãi suất: Theo quá trình làm việc và tại phiên toà bà Vũ Thị M yêu cầu ông Y Ng và bà Bà H- P trả lãi suất 10%/năm kể từ thời điểm vay ngày 21/6/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 04/4/2025 với số tiền 87.406.000 đồng (đã quy tròn) (*tám mươi bảy triệu, bốn trăm linh sáu nghìn đồng*). Theo nội dung vay tiền bà M cung cấp thì số tiền vay là 20%, còn đối với giấy vay bà M viết vào sổ cho ông Y Ng (Tên gọi khác: Cha Đ) và bà Bà H- P giữ thì số tiền lãi là 2%/tháng.

Do ông Y Ng và bà Bà H- P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên theo Điều 357 của Bộ luật dân sự thì bà M có quyền yêu cầu ông Y Ng và bà Bà H- P phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do ông Y Ng và bà Bà H- P không thỏa thuận được lãi suất chậm trả nên theo quy định tại khoản 2 Điều Điều 357 của Bộ luật dân sự mức lãi suất được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự *Điều 468 của BLDS quy định:*

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...”

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Do đó, ông Y Ng và bà Bà H- P phải trả số tiền lãi suất của số tiền vay 234.020.000 đồng (hai trăm ba mươi bốn triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng) là phù hợp, tuy nhiên bà M chỉ yêu cầu tính lãi 10%/năm kể từ thời điểm vay ngày 20/6/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 04/4/2025 với số tiền 87.406.000 đồng (đã quy tròn) (tám mươi bảy triệu, bốn trăm linh sáu nghìn đồng) là phù hợp có căn cứ cần chấp nhận.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp.

[8] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị M buộc ông Y Ng và bà Bà H- P phải trả cho bà Vũ Thị M số tiền gốc 234.020.000 đồng (Hai trăm ba mươi bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) tiền gốc, tiền lãi là 87.406.000 đồng (đã quy tròn) (tám mươi bảy triệu, bốn trăm linh sáu nghìn đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 321.426.000 đồng (ba trăm hai mươi một triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng)

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Buộc bị đơn ông Y Ng và bà Bà H- P phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là: 321.426.000 đồng x 5% = 16.071.000 đồng (làm tròn số) (Mười sáu triệu, không trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Vũ Thị M số tiền 9.126.500 đồng (chín triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai số 0005951 ngày 17/7/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 235; Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 351; khoản 2 Điều 357; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị M, buộc Y Ng và bà Bà H- P phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị M tổng số tiền 317.604.000 đồng (*Ba trăm mười bảy triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 234.020.000 đồng (*Hai trăm ba mươi bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) và 87.406.000 đồng (đã quy tròn) (*tám mươi bảy triệu, bốn trăm linh sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc Y Ng và bà Bà H- P phải chịu 16.071.000 đồng(làm tròn số) (*Mười sáu triệu, không trăm bảy mươi một nghìn đồng*). Hoàn trả cho bà Vũ Thị M số tiền 9.126.500 đồng (*chín triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm đồng*) theo biên lai số 0005951 ngày 17/7/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Về hướng dẫn Thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
-VKSND tỉnh Đắk Nông;
-VKSND huyện ĐắkMil;
-Chi cục THA dân sự huyện ĐắkMil;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ

